

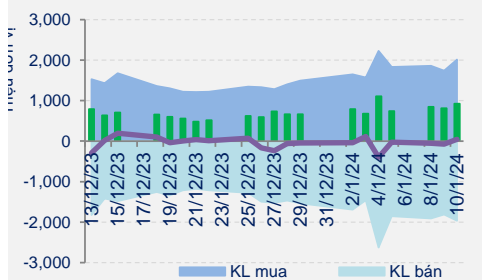
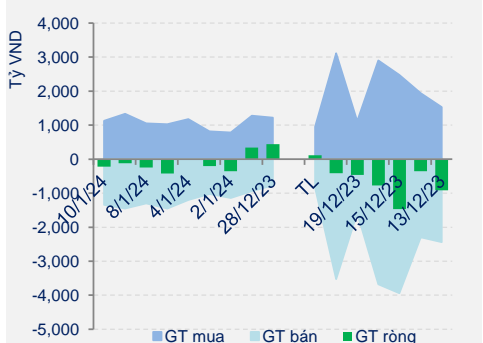
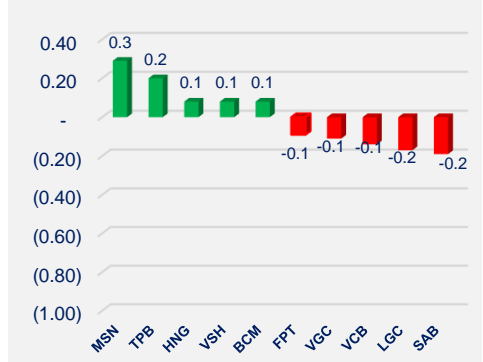
MARKET LENS

10/1/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,161.54	231.41
% Thay đổi	↑ 0.25%	↓ -0.47%
KLGD (CP)	922,260,206	102,684,400
GTGD (tỷ đồng)	20,713.54	2,114.11
Tổng cung (CP)	1,968,811,038	162,736,600
Tổng cầu (CP)	2,017,649,116	130,952,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	41,239,734	3,277,935
KL mua (CP)	35,587,626	715,585
GT mua (tỷ đồng)	1,128.41	26.09
GT bán (tỷ đồng)	1,345.34	89.56
GT ròng (tỷ đồng)	(216.93)	(63.47)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Sau phiên điều chỉnh nhẹ, VN-INDEX tiếp tục rung lắc kiểm tra lại vùng hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.150 điểm. Trong phiên VN-INDEX tăng khá tốt lên vùng giá 1.165 điểm với ảnh hưởng tích cực của nhóm cổ phiếu ngân hàng, sau đó điều chỉnh nhẹ và tăng điểm trở lại. Kết phiên VN-INDEX tăng 2,95 điểm (+0,25%) lên mức 1.161,54 điểm với thanh khoản gia tăng. HNX-INDEX ngược lại kém tích cực khi giảm 1,09 điểm (-0,47%) về mức 231,41 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực khi áp lực bán ngắn hạn gia tăng mở rộng ở nhiều mã nhóm vốn hóa trung bình, nhỏ khi có 409 mã giảm giá (10 mã giảm sàn), 250 mã tăng giá (08 mã tăng trần) và 133 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 22.819 tỷ đồng được giao dịch, tăng 13,54% so với phiên trước, duy trì vượt mức trung bình, thể hiện dòng tiền ngắn hạn vẫn đang duy trì trong thị trường, khá đột biến trong nhóm cổ phiếu ngân hàng trong khi điều chỉnh kém tích cực ở nhiều nhóm mã khác. Khối ngoại vẫn bán ròng phiên thứ 7 liên tiếp, giá trị bán ròng gia tăng với 217,16 tỷ đồng trên HOSE, tiếp tục bán ròng trên HNX với giá trị gia tăng 63,47 tỷ đồng.

Ngày 09/01/2024, Ngân hàng Thế giới (WB) công bố Báo cáo Triển vọng Toàn cầu năm 2023. Theo đó, kinh tế thế giới đang ghi nhận nửa thập kỷ tăng trưởng khó khăn nhất trong vòng 30 năm trở lại đây. Năm 2024 được dự báo là năm thứ ba liên tiếp tăng trưởng toàn cầu chậm lại, từ mức 2,6% vào năm 2023 xuống còn 2,4% trong năm nay.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau phiên phân hóa, tiếp tục có phiên giao dịch đột biến, nhiều mã tăng giá tích cực, khối lượng giao dịch đột biến mạnh, cao nhất lịch sử, nổi bật như TPB (+4,23%), CTG (+3,33%), BID (+2,93%), SHB (+2,56%).... ngoài NAB (-1,89%), TCB (-0,29%), SSB (-0,21%) giảm nhẹ.

Trong khi đó nhiều mã nhóm mã khác đa số lại chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản bắt đầu gia tăng kém tích cực hơn như các cổ phiếu nhóm bất động sản hầu hết chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh với FIR (-6,84%), HD6 (-4,02%), HQC (-3,24%), ITC (-3,04%)... Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cũng chịu áp lực bán, thanh khoản gia tăng kém tích cực như SZC (-2,60%), SIP (-2,24%), KBC (-1,86%)... ngoài GVR (+0,93%), D2D (+0,39%)..

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán hầu hết cũng chịu áp lực điều chỉnh, khối lượng gia tăng như CTS (-2,21%), AGR (-1,78%), FTS (-1,68%), SHS (-1,60%)... trong khi các cổ phiếu dầu khí sau nhiều phiên chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh, đã phục hồi trở lại, với thanh khoản giảm khá mạnh như VIP (+1,76%), PVT (+1,36%), PVD (+0,75%)... ngoài PSH (-6,92%) vẫn giảm mạnh liên tiếp.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 tăng 0,1 điểm (-0,08%), chênh lệch dương thu hẹp còn +0,42 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng khá mạnh 39,36%, vẫn dưới mức trung bình cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên gia tăng trở lại. Xu hướng ngắn hạn VN30F2401 vẫn tích cực trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.150 điểm, nhưng đang gặp vùng kháng cự mạnh 1.166 điểm- 1.169 điểm vùng giá cao nhất tháng 10.2023. Các kỳ hạn VN30F2402, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,58 điểm đến 0,62 điểm, các mức chênh lệch thu hẹp, thể hiện các trader vẫn lạc quan về xu hướng tăng của VN30 và đang phòng ngừa rủi ro giảm điểm của VN30 khi ngắn hạn VN30 đang trong vào vùng quá mua.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Mặc dù đà tăng của Vn-Index đang chững lại nhưng thị trường vẫn vận động chặt chẽ trên vùng hỗ trợ 1.150 điểm. Diễn biến của thị trường tích cực nhưng có thể sẽ tiếp tục có rung lắc test lại ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn, xu hướng thị trường vẫn tích cực như chúng tôi kỳ vọng. Chốt phiên thị trường tăng +2,95 điểm (+0,25%) và đóng cửa ở 1.161,54 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường vận động tích cực và đã vận động quanh ngưỡng cản 1.150 như chúng tôi thường xuyên đề cập. Sau khi vượt qua ngưỡng cản nói trên, Vn-Index trong các phiên tới có thể có rung lắc, nhưng với động lực vận động trên nền tảng tích lũy ngắn hạn tốt chúng tôi kỳ vọng Vn-Index sẽ test thành công ngưỡng cản này để tiến vào khu vực kỳ vọng tích lũy trung hạn.

Về góc nhìn trung hạn, thị trường đang vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, dự báo thời gian sẽ kéo dài. Với những vận động của Vn-Index trong vài tuần qua chúng tôi kỳ vọng Vn-Index có thể để hình thành vùng tích lũy cao trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường dự báo sẽ điều chỉnh và rung lắc quanh vùng 1.160 điểm và có thể kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 1.150 điểm, nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng không nên mua đuổi giá cao. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

10/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	33.55	31-33	38-39	29	8.4	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.35	25-26.3	29.5-30.5	23	13.9	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.50	22.3	28-28.5	25	14.3%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	25.10	18.6	28-29	24.5	34.9%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	49.30	45.1	52-53	48	9.3%	Nắm giữ
19/12/2023	KBC	31.65	30.2	34-35	31	4.8%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	26.95	27.55	30-31	26.5	-2.2%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.55	18.09	23-24	19	8.1%	Nắm giữ
4/1/2024	VSC	31.50	29.55	34-35	30	6.6%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Đề xuất bãi bỏ 6 Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng**

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Thông tư bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Thông tư về Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số điện toán Việt Nam, quy định về chi phí phát hành, hoán đổi, mua lại, thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình thủ tục công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp,...

Hải Phòng đặt mục tiêu tăng trưởng năm 2024 ở mức 11,5-12%

Sáng 10/1, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng thi đua khen thưởng Trung ương Võ Thị Ánh Xuân đã dự Hội nghị triển khai thực hiện nghị quyết của Thành ủy, HĐND TP. Hải Phòng về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2024. Năm 2024, Hải Phòng đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng GRDP khoảng 11,5-12%, thu ngân sách hơn 106.761 tỷ đồng (trong đó, thu nội địa 45.000 tỷ đồng)...

Quản lý lỏng lẻo, hàng nghìn tỷ đồng Quỹ bình ổn xăng dầu bị chiếm dụng, sử dụng sai mục đích

Thanh tra Chính phủ vừa ban hành Thông báo kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý nhà nước về xăng dầu, trong đó, đề cập tới hàng loạt vi phạm "ông lớn" trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và những vi phạm pháp luật liên quan đến việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu do Bộ Công Thương, Bộ Tài chính quản lý. Kết luận của Thanh tra Chính phủ nêu rõ có 07/15 thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu đã sử dụng Quỹ bình ổn giá sai mục đích bình ổn giá, không kết chuyển về tài khoản Quỹ bình ổn giá mà để lại tài khoản thanh toán của doanh nghiệp, với số tiền là 7.927 tỷ đồng...

WB: Kinh tế toàn cầu bước vào nửa thập kỷ tăng trưởng tồi tệ nhất trong 30 năm

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), nền kinh tế toàn cầu đang trên đà ghi nhận nửa thập kỷ tăng trưởng tồi tệ nhất trong 30 năm, khi chi phí vay cao hơn và căng thẳng địa chính trị đè nặng lên tăng trưởng. Trong báo cáo "Triển vọng kinh tế toàn cầu" được công bố hôm thứ Ba (9/1), WB cho biết tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại trong năm thứ ba liên tiếp vào năm 2024, giảm xuống 2,4% từ mức 2,6% vào năm 2023. Sau đó, tăng trưởng dự kiến sẽ tăng nhẹ lên 2,7% vào năm 2025, mặc dù tốc độ tăng tốc trong giai đoạn 5 năm sẽ vẫn thấp hơn gần 0,75 điểm phần trăm so với tốc độ trung bình của những năm 2010.



TIN DOANH NGHIỆP

Viglacera ước lãi gần 1.600 tỷ đồng năm 2023

Kết quả ước tính doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm 2023 của Viglacera giảm hai chữ số so với mốc kỷ lục đã được thiết lập năm 2022 nhưng vẫn cao hơn nhiều so với những năm trước dịch. Tổng công ty Viglacera - CTCP (Mã: VGC) vừa công bố ước tính doanh thu hợp nhất năm 2023 là 12.993 tỷ đồng, thực hiện 82% kế hoạch năm và giảm 11% so với năm 2022. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2023 ước đạt 1.593 tỷ đồng, đạt 132% kế hoạch năm và giảm 31% so với mức kỷ lục đã được thiết lập vào năm 2022. Trong đó lợi nhuận trước thuế công ty mẹ ước đạt 1.919 tỷ đồng, vượt 12% mục tiêu.

VinFast đặt kế hoạch thu hút thêm vốn

VinFast dự kiến sẽ nâng lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng trên thị trường vào cuối năm nay. Từ Reuters đưa tin VinFast đặt mục tiêu tăng tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng lên 10-20% vào cuối năm 2024. "Năm nay, khi thị trường hồi phục, chúng tôi sẽ thể hiện nhiều bước tiến hơn như tăng lượng cổ phiếu lưu hành, thu hút thêm nhiều nhà đầu tư, bao gồm cả nhà đầu tư dài hạn", bà Lê Thị Thu Thủy, Chủ tịch VinFast, trả lời phỏng vấn bên lề CES Las Vegas.

IDP sắp trả cổ tức tỷ lệ 85%

CTCP Sữa Quốc tế (UPCoM: IDP) thông báo chốt danh sách cổ đông nhận tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2023. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 19/01/2024. Tỷ lệ thực hiện là 85%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cp được nhận 8,500 đồng. Với hơn 61.3 triệu cp đang lưu hành, ước tính IDP cần chi hơn 521 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Thời gian chi trả dự kiến vào ngày 05/02/2024.

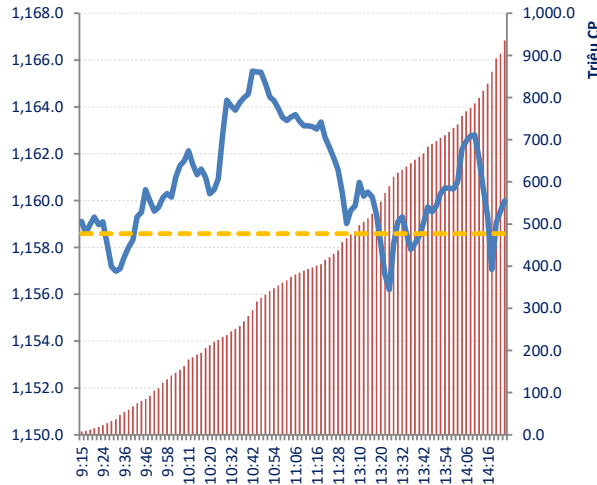
CRE tắt toán gốc trái phiếu nhưng vẫn còn nợ lãi

CTCP Bất động sản Thế Kỳ (HOSE: CRE) đã tắt toán phần gốc của lô trái phiếu trị giá 450 tỷ đồng, tuy nhiên doanh nghiệp vẫn chưa thanh toán hết phần lãi gần 26 tỷ đồng tại kỳ mới nhất, cho lô trái phiếu vừa được gia hạn đến ngày 31/01/2025. Tại kỳ thanh toán mới đây cho lô trái phiếu CRE202001, CRE đã trả toàn bộ gần 96.5 tỷ đồng tiền gốc còn lại của lô trái phiếu vào ngày 02/01/2024, đồng thời trả tiền lãi sau đó một ngày, nhưng còn thiếu 25.4 tỷ đồng trên tổng số gần 26 tỷ đồng phải trả. CRE cho biết, khoản lãi đến hạn còn lại của một trái chủ chưa được thanh toán do hai bên đang đàm phán về thời hạn thanh toán mới tối đa ba tháng kể từ ngày 02/01/2024.

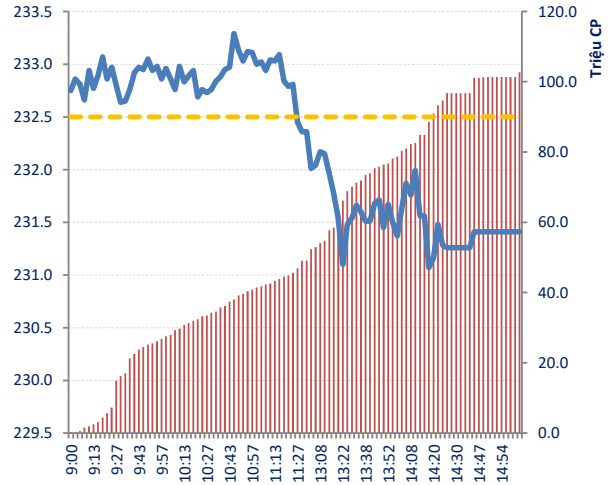


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

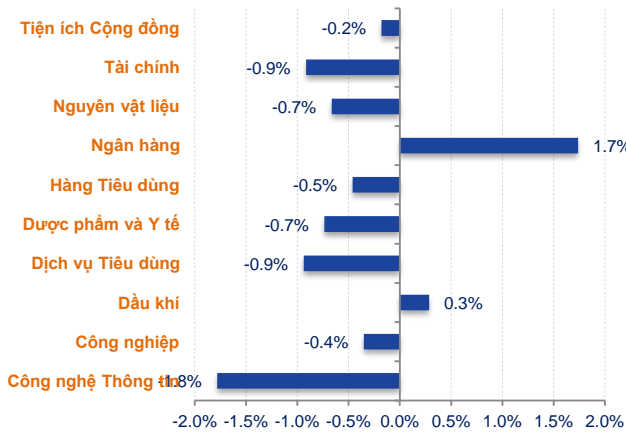
KLGD và VN-Index trong phiên



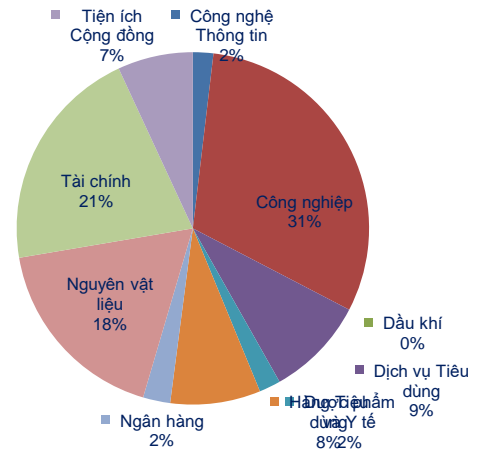
KLGD và HNX-Index trong phiên



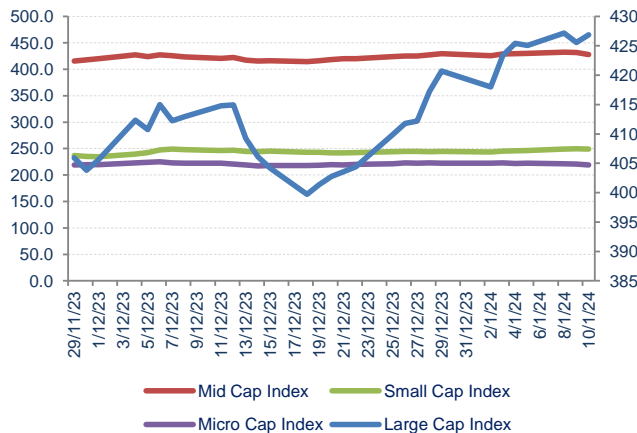
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



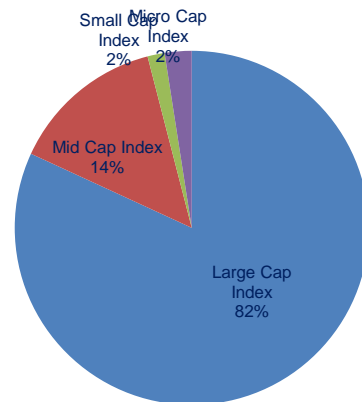
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	2,102,400	FUEVFVND	4,203,400	1	IDC	341,270	PVS	1,492,700
2	STB	1,502,500	HDG	1,253,900	2	TIG	43,000	SHS	1,351,500
3	MWG	1,008,438	VHM	997,500	3	TNG	40,200	NVB	103,665
4	VCB	804,089	KDH	936,072	4	PVG	34,000	CEO	89,000
5	VND	772,400	TPB	935,950	5	HUT	18,100	NBP	13,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.70	12.00	↑ 2.56%	96,499,700	SHS	18.70	18.40	↓ -1.60%	28,253,561
VPB	19.15	19.60	↑ 2.35%	35,009,400	CEO	22.90	22.40	↓ -2.18%	13,977,672
HPG	27.70	27.35	↓ -1.26%	32,696,500	HUT	20.80	20.80	→ 0.00%	12,859,849
TPB	17.75	18.50	↑ 4.23%	31,926,600	PVS	36.80	36.50	↓ -0.82%	4,993,932
VND	22.15	21.75	↓ -1.81%	28,674,500	MBS	22.90	22.70	↓ -0.87%	4,683,816

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RAL	112.00	119.80	7.80	↑ 6.96%	PMP	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%
DC4	10.80	11.55	0.75	↑ 6.94%	KTT	3.10	3.40	0.30	↑ 9.68%
PMG	8.54	9.13	0.59	↑ 6.91%	BED	18.90	20.70	1.80	↑ 9.52%
STG	45.85	48.90	3.05	↑ 6.65%	PCG	6.40	7.00	0.60	↑ 9.38%
TDP	27.85	29.25	1.40	↑ 5.03%	BBS	11.00	12.00	1.00	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	46.05	42.85	-3.20	↓ -6.95%	PRC	33.80	30.50	-3.30	↓ -9.76%
HAS	7.78	7.24	-0.54	↓ -6.94%	KKC	7.90	7.20	-0.70	↓ -8.86%
VAF	13.70	12.75	-0.95	↓ -6.93%	DTG	25.30	23.20	-2.10	↓ -8.30%
PSH	8.38	7.80	-0.58	↓ -6.92%	PGT	3.80	3.50	-0.30	↓ -7.89%
SSC	33.95	31.60	-2.35	↓ -6.92%	HTP	15.40	14.20	-1.20	↓ -7.79%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	96,499,700	15.9%	2,036	5.7	0.9
VPB	35,009,400	9.7%	1,472	13.0	1.0
HPG	32,696,500	1.9%	322	86.1	1.6
TPB	31,926,600	17.0%	2,483	7.1	1.2
VND	28,674,500	7.8%	957	23.1	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	28,253,561	5.4%	643	29.1	1.5
CEO	13,977,672	6.7%	955	24.0	1.9
HUT	12,859,849	0.8%	122	170.9	1.7
PVS	4,993,932	6.7%	1,846	19.9	1.3
MBS	4,683,816	10.4%	1,104	20.7	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
RAL	↑ 7.0%	21.9%	25,934	4.3	0.9
DC4	↑ 6.9%	0.2%	26	415.1	1.0
PMG	↑ 6.9%	0.4%	58	146.8	0.6
STG	↑ 6.7%	8.3%	1,838	25.0	2.0
TDP	↑ 5.0%	4.6%	509	54.7	2.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PMP	↑ 10.0%	12.2%	1,989	6.0	0.7
KTT	↑ 9.7%	-72.0%	(6,950)	-	1.6
BED	↑ 9.5%	18.4%	2,430	7.8	1.4
PCG	↑ 9.4%	0.8%	74	86.5	0.7
BBS	↑ 9.1%	3.0%	529	20.8	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2,102,400	15.7%	3,377	8.9	1.3
STB	1,502,500	17.5%	3,825	7.6	1.3
MWG	1,008,438	3.0%	476	89.7	2.7
VCB	804,089	22.6%	6,013	14.6	3.1
VND	772,400	7.8%	957	23.1	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	341,270	17.0%	3,177	16.7	3.1
TIG	43,000	11.1%	1,470	8.5	0.9
TNG	40,200	13.4%	1,776	11.5	1.3
PVG	34,000	2.1%	289	31.1	0.7
HUT	18,100	0.8%	122	170.9	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	490,722	22.6%	6,013	14.6	3.1
BID	262,505	17.6%	3,450	13.3	2.2
VHM	187,238	25.0%	9,468	4.5	1.0
GAS	174,323	19.0%	5,283	14.4	2.8
VIC	167,859	2.7%	977	44.9	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	18,564	0.8%	122	170.9	1.7
PVS	17,589	6.7%	1,846	19.9	1.3
IDC	17,523	17.0%	3,177	16.7	3.1
SHS	15,206	5.4%	643	29.1	1.5
THD	13,552	2.9%	460	76.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AGR	2.53	6.3%	727	23.2	1.5
PIT	2.51	-0.6%	(47)	-	0.8
CII	2.49	0.8%	257	72.2	0.7
FCN	2.48	1.1%	232	63.5	0.7
CTS	2.44	7.9%	1,020	28.8	2.2

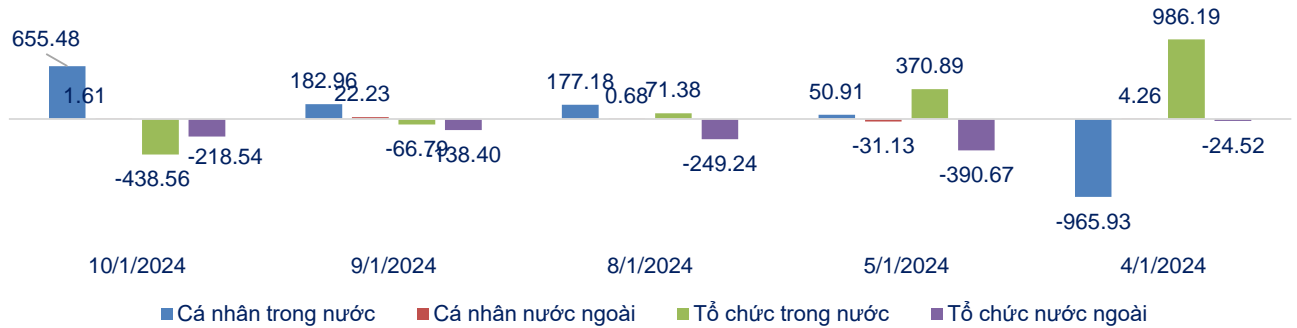
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.57	0.8%	122	170.9	1.7
SHS	2.37	5.4%	643	29.1	1.5
EVS	2.27	5.9%	688	12.5	0.7
VC7	2.21	6.2%	579	25.5	1.4
VIG	2.18	6.8%	501	15.6	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	220.47	23.8%	3,839	6.5	1.5
DGC	86.10	29.7%	9,010	10.4	2.9
VHM	67.80	25.0%	9,468	4.5	1.0
HSG	61.87	0.2%	40	549.4	1.3
VNM	56.59	24.4%	4,029	16.9	4.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-90.69	17.5%	3,825	7.6	1.3
VCB	-64.27	22.6%	6,013	14.6	3.1
VPI	-59.80	15.6%	2,491	21.9	3.3
SBT	-51.57	4.9%	675	20.6	1.0
CTG	-46.65	15.7%	3,377	8.9	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	3.62	8.3%	1,013	18.4	1.5
FCN	2.48	1.1%	232	63.5	0.7
SSI	2.15	8.9%	1,346	25.3	2.2
VIX	2.00	8.2%	1,005	16.9	1.3
VND	1.36	7.8%	957	23.1	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-5.90	1.4%	182	150.8	2.1
DGW	-2.98	16.6%	2,562	21.8	3.5
HPG	-1.96	1.9%	322	86.1	1.6
CTD	-1.63	1.7%	1,391	50.2	0.7
OCB	-1.44	16.9%	2,201	6.6	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	112.23	N/A	N/A	N/A	N/A
VPI	60.62	15.6%	2,491	21.9	3.3
SBT	51.68	4.9%	675	20.6	1.0
STB	46.29	17.5%	3,825	7.6	1.3
TCB	30.12	14.2%	4,863	7.1	1.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-220.47	23.8%	3,839	6.5	1.5
HSG	-53.72	0.2%	40	549.4	1.3
VND	-50.18	7.8%	957	23.1	1.7
HPG	-48.55	1.9%	322	86.1	1.6
SSI	-42.58	8.9%	1,346	25.3	2.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	72.12	22.6%	6,013	14.6	3.1
CTG	64.52	15.7%	3,377	8.9	1.3
STB	45.20	17.5%	3,825	7.6	1.3
MWG	42.79	3.0%	476	89.7	2.7
HPG	21.07	1.9%	322	86.1	1.6

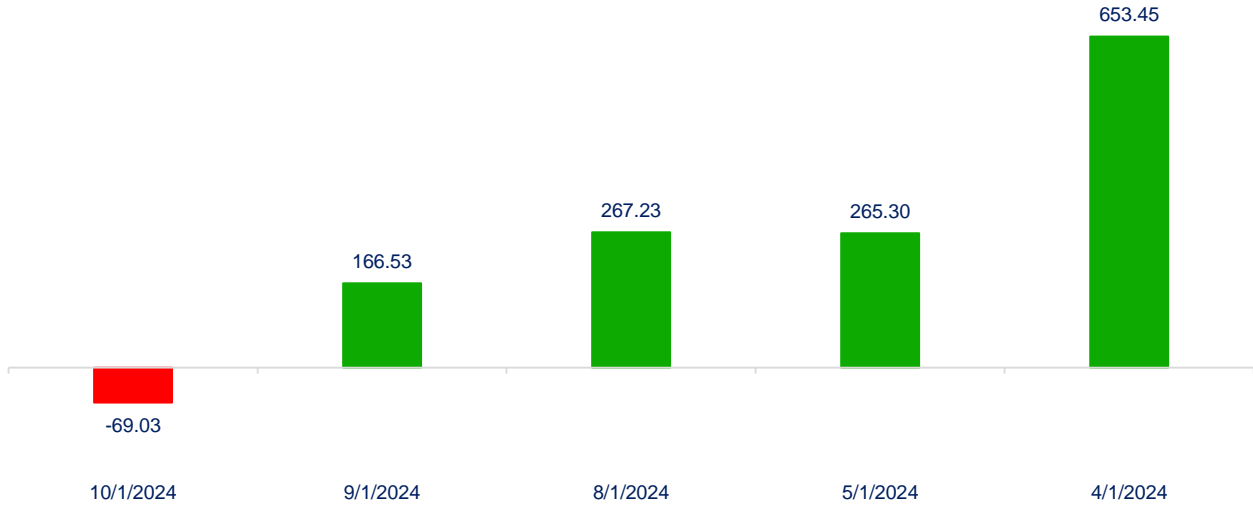
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-112.23	N/A	N/A	N/A	N/A
DGC	-55.76	29.7%	9,010	10.4	2.9
VNM	-51.68	24.4%	4,029	16.9	4.2
VHM	-42.79	25.0%	9,468	4.5	1.0
HDG	-33.05	9.7%	2,194	12.2	1.2

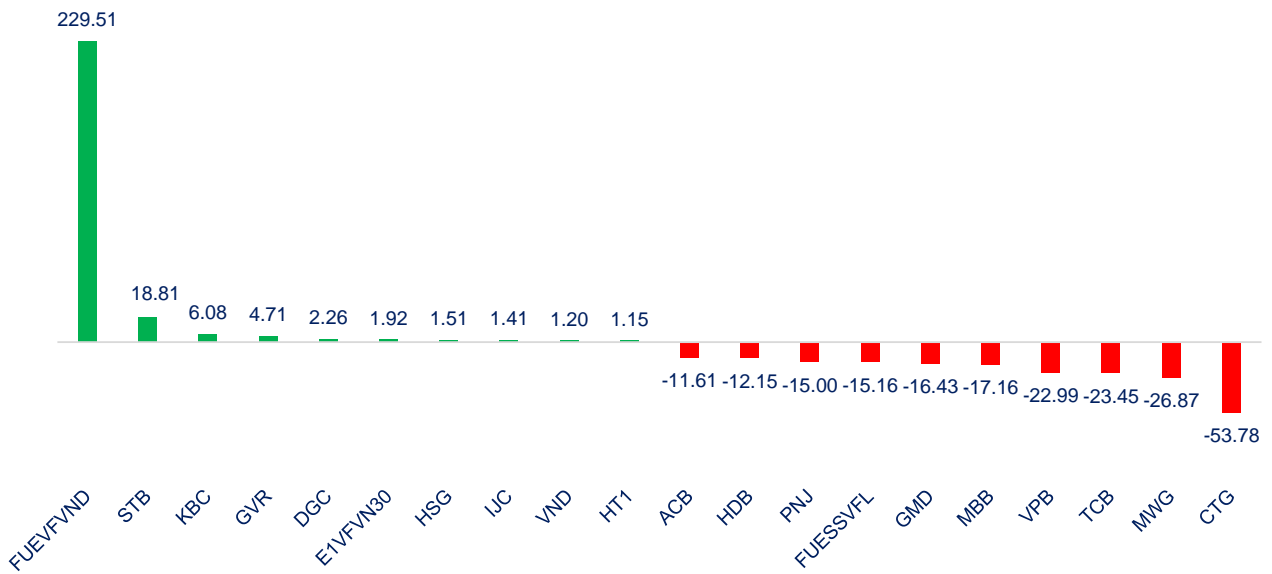


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn